

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 12-01-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Ứng Cương

2. Ông Nguyễn Thanh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy Kiều**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2020/TLST- DS, ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà **Lê Mỹ X**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Khu ph, Thị trấn th, huyện A, tỉnh K

2. *Bị đơn:* Ông **Trương Thanh B**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: KP.M, TT.M, huyện Ch, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-10-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Mỹ X trình bày: Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên năm 2010 bà và ông Trương Thanh B đã ly hôn với nhau.Theo quyết định của bản án bà được quyền nuôi 02 con chung và ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 04/06/2019, ông B có đến gặp bà lấy lý do là cần tiền vốn làm ăn nên hỏi vay của bà số tiền 100.000.000đồng, ông B thoả thuận là đóng lãi để

phụ giúp cho bà nuôi con nên tự nguyện đóng lãi cho bà với số tiền 3.000.000đồng/1 tháng, kể từ khi bà lấy tiền lãi tiền vay thì bà không nhận tiền cấp dưỡng nuôi con của ông B nữa.

Đến tháng 06/2020 ông B trả cho bà số tiền vay gốc 20.000.000đồng, như vậy ông B còn nợ lại bà số tiền vay gốc 80.000.000đồng và tiền lãi suất 2.400.000đồng/ tháng.

Tuy nhiên, trong quá trình vay ông B chỉ thực hiện đóng lãi đến tháng 6/2020 thì không đóng lãi cũng như trả số tiền vay gốc trên lại cho bà, bà đã trình bày sự việc lên Ban giám hiệu Trường Tiểu học Minh Lương II nơi ông B đang dạy học nhờ can thiệp nhưng không giải quyết được.

Hiện nay, hoàn cảnh kinh tế của bà gặp khó khăn, bà đã ly hôn chồng một mình nuôi 02 con ăn học, hiện tại bà rất cần số tiền trên để xoay sở trong gia đình và lo cho 02 con ăn học, nhưng ông B không trả số tiền nợ trên lại cho bà, gây khó khăn trong cuộc sống hàng ngày của bà và 02 con.

Bà X xác nhận đối với số tiền nợ 80.000.000đ và tiền lãi này bà chỉ yêu cầu ông B có trách nhiệm trả cho bà, không yêu cầu vợ ông B là bà Huỳnh Vương Thu Trang có trách nhiệm liên đới cùng ông B trả nợ cho bà vì khi làm “Tờ giao kèo” thỏa thuận cho vay tiền chỉ giữa bà và ông B, bà Trang không liên quan. Đây là sự tự nguyện của bà và cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, bà Lê Mỹ X có ý kiến : Yêu cầu ông Trương Thanh B trả lại cho bà số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10% /năm từ ngày 04 tháng 6 năm 2020 đến ngày xét xử, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Bị đơn ông Trương Thanh B trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 04-06-2019 ông có vay tiền của bà Lê Mỹ X số tiền là 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000.000đồng/1tháng, không quy định thời gian trả.

Trong quá trình vay đã đóng lãi hàng tháng và trả gốc được số tiền 20.000.000 đồng. Từ ngày 04-06-2020 không đóng lãi được nữa. Do khi vay số tiền của bà X về ông cho người bạn vay lại để đầu tư nuôi tôm, nhưng do người đó làm ăn nuôi tôm không có hiệu quả nên không có khả năng trả số tiền nợ trên lại cho ông nên ông không có tiền trả lại cho bà X.

Tại phiên tòa ông Trương Thanh B có ý kiến: Ông B thừa nhận hiện nay còn nợ bà X số tiền vay gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04 tháng 06 năm 2020 đến nay chưa đóng. Ông B đồng ý trả số tiền nợ trên, nhưng hiện do hiện nay hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn xin được trả số tiền vay gốc

80.000.000đồng, không còn khả năng đóng lãi và xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000đồng đến dứt số tiền nợ 80.000.000đồng.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Mỹ X; buộc ông Trương Thanh B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Mỹ X đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27-10-2020 bà Lê Mỹ X có đơn yêu khởi kiện yêu cầu ông Trương Thanh B trả cho bà số tiền vay gốc 80.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 04-6-2020 đến ngày xét xử, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[2] - Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Lê Mỹ X yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trương Thanh B trả cho bà số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10% /năm, tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2020 đến ngày xét xử (12-01-2021) và yêu cầu trả mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Bị đơn ông Trương Thanh B thừa nhận hiện nay còn nợ bà X số tiền vay gốc 80.000.000 đồng, nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi dứt số tiền nợ trên và không đồng ý trả lãi.

Xét thấy số tiền nợ vay bà Lê Mỹ X khởi kiện yêu cầu ông Trương Thanh B được ông B thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa là hiện nay ông B còn nợ bà X số tiền vay gốc 80.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ trên. Do đó việc bà X yêu cầu ông B trả số tiền vay gốc 80.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất : Tại đơn khởi kiện ngày 27-10-2020, bà X yêu cầu tính lãi từ ngày 04-6-2020 đến ngày 27-10-2020 số tiền 10.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà X thay đổi nội dung yêu cầu về tiền lãi là chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày 04-6-2020 đến ngày xét

xử (12-01-2021). HĐXX xét thấy việc thay đổi yêu cầu này của bà X không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc thay đổi yêu cầu về lãi suất của bà X.

Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bà X và ông B cùng xác nhận, trong thời gian vay tiền ông B đã đóng lãi cho bà X đến ngày 04-5-2020 thì ngưng không tiếp tục trả tiền lãi cho bà X nữa. Về khoản tiền lãi mà ông B đã trả cho bà X thì ông không yêu cầu Tòa án xem xét lại; Ông B yêu cầu bà X không tính lãi đối với số tiền vay gốc 80.000.000 đồng kể từ ngày 04-6-2020 đến ngày xét xử (12-01-2020), nhưng bà X không đồng ý.

Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, kéo dài thời gian trả nợ cho nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, cần xử buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng, cùng tiền lãi suất. Nghi nhận sự tự nguyện của bà X yêu cầu tính lãi suất 10%/năm = 0,833%/tháng. Tiền lãi được tính như sau :

Số tiền vay gốc 80.000.000 đồng tính lãi từ ngày 04-6-2020 đến ngày xét xử (12-01-2020) là 07 tháng 08 ngày : (80.000.000 đồng x 0,833% x 07 tháng 08 ngày) = 4.842.506 đồng.

[4] Xét ý kiến của kiểm sát viên: HĐXX xét thấy ý kiến phát biểu và đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ nên ghi nhận.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mỹ X; Buộc ông Trương Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền vay gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi là 4.842.506 đồng, tổng cộng là 84.842.506 đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ dần của các đương sự không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn ông Trương Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ phải trả cho bà X là : 84.842.506 đồng x 5% = 4.242.125 đồng.

Bà Lê Mỹ X không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà X số tiền 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Mỹ X về việ “ Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản ” đối với bị đơn ông Trương Thanh B.

2- Buộc ông Trương Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Mỹ X số tiền vay gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 4.842.506 đồng, tổng cộng là 84.842.506 đồng (Tám mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12-01-2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Thanh B có nghĩa vụ nộp án phí là 4.242.125 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn một trăm hai mươi lăm đồng)

Bà Lê Mỹ X không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà X số tiền 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006709, ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4 – Quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ; V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thúy Hằng

Tại đơn khởi kiện ngày 27-10-2020 bà X yêu cầu tính lãi từ ngày 04-6-2020 đến ngày 27-10-2020 số tiền 10.000.000 đồng , nhưng trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà X thay đổi nội dung yêu cầu về tiền lãi là chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/ năm từ ngày 04-6-2020 đến ngày xét xử (12-01-2021). HĐXX xét thấy việc thay đổi yêu cầu này của bà X không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu , do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi này.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ; V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thúy Hằng

